

		延べ面積	構造	階数	建設年度	外壁改修	屋上改修	トイレ改修	その他（直近5年のみ）
厚木小	② 東棟	1,003㎡	RC	3	S45				
	① 北棟	3,069㎡	RC	3	S45				H27冷暖房
	⑪ 南棟	2,174㎡	RC	4	S58				H27冷暖房
	⑱ 体育館	1,051㎡	S	1	S60				H29床修繕
依知南小	① 中央棟	1,919㎡	RC	3	S39				H27冷暖房
	⑧12 西棟	1,550㎡	RC	3	S49				H27冷暖房
	⑫ 東棟	1,782㎡	RC	3	S54				
	⑮ 体育館	955㎡	S	1	S58				H29床修繕
北小	① 南棟	2,208㎡	RC	3	S42			R1	H27冷暖房
	② 西棟	716㎡	RC	3	S49				H27冷暖房
	⑬⑯ 北棟	3,576㎡	RC	4	S53				H27冷暖房
	21 体育館	1,104㎡	S	2	S58	H29	H29	H29	
荻野小	⑪ 南棟	2,638㎡	RC	4	S51	H28	H28		H28冷暖房
	22 東棟	1,137㎡	RC	4	S61	H29	H29		H28冷暖房
	23 北棟	1,043㎡	RC	2	S61				
	19 体育館	849㎡	S	1	S56	H29	H29		H31床修繕
三田小	① 中央棟	2,763㎡	RC	4	S48				H27冷暖房
	⑩ 北棟	2,234㎡	RC	4	S52			R1	H27冷暖房
	⑫ 西棟	974㎡	RC	4	S55				H27冷暖房
	⑭ 体育館	899㎡	S	2	S57				
清水小	⑬ 北棟	2,807㎡	RC	3	S46			R1	H27冷暖房
	⑮ 南棟	2,511㎡	RC	4	S49				H27冷暖房
	23- 東棟(体育館併用)	3,127㎡	RC+S	4	S56			H28	H27冷暖房、R1家庭科室修繕
小鮎小	① 南棟	1,872㎡	RC	3	S42				H28冷暖房、H29屋上防水修繕
	⑮ 中央棟	1,687㎡	RC	4	S53			R1	H28冷暖房
	⑯ 北棟	1,777㎡	RC	4	S53			H30	H28冷暖房
	⑰ 体育館	907㎡	S	2	S56				H29床修繕
玉川小	12 校舎棟	3,631㎡	RC	4	S55	H29	H29		
	15 体育館	845㎡	S	2	S56				H29床修繕
南毛利小	17 北棟	1,086㎡	RC	3	S49				H27冷暖房
	21- 南棟	3,853㎡	RC	4	S51			R1	H27冷暖房
	25 東棟	1,747㎡	RC	4	S59				H27冷暖房
	24 体育館	881㎡	RC+S	2	S56				H29床修繕
	グラウンド					H29			
相川小	南棟(校舎)	7,550㎡	RC	4	H04	H29	H29	R1	
	体育館	1,121㎡	RC	2	H04				H27屋根修繕
	プール	830㎡	RC+S	1	H04				
	グラウンド					一部工事			
厚木第二小	②- 西棟	1,449㎡	RC	3	S45	H29	H29		H28冷暖房
	⑩ 東棟	2,370㎡	RC	4	S54				H28冷暖房
	⑰ 北棟	3,770㎡	RC	3	H13				H28冷暖房
	⑪ 体育館	879㎡	RC+S	2	S55				H29床修繕
緑ヶ丘小	①- 東棟	2,858㎡	RC	3	S40			R1	H28冷暖房
	②- 西棟	2,168㎡	RC	4	S45				H28冷暖房 R1屋上防水修繕
	⑨ 南棟	2,228㎡	RC	4	S55				H28冷暖房
	⑩ 体育館	830㎡	S	2	S56			R2	H29床修繕
戸室小	① 南棟	3,264㎡	RC	4	S50	H29	H29	R2	
	⑪⑥- 中央・北棟	3,549㎡	RC	4	S52				
	⑨ 体育館	892㎡	S	2	S56				H29内壁修繕、H31床修繕
愛甲小	① 北棟	3,238㎡	RC	4	S51				
	② 西棟	1,836㎡	RC	4	S51	H30	H30		
	⑥ 東棟	947㎡	RC	4	S57				
	⑤ 体育館	1,046㎡	RC+S	3	S57				H29床修繕
妻田小	② 中央棟	909㎡	RC	3	S50				
	① 北棟	2,838㎡	RC	4	S51				H28冷暖房
	③- 南棟	1,652㎡	RC	4	S51				H28冷暖房
	⑤ 体育館	954㎡	S	2	S57				
鳶尾小	②- 北棟	1,864㎡	RC	4	S51				
	① 南棟	2,811㎡	RC	3	S51				H28冷暖房
	⑥- 体育館	1,021㎡	S	2	S57				H29床修繕、H30屋根修繕

小学校校舎改修履歴一覧（築20年、200㎡以上）

対象期間：H27～R2（5年間）

参考資料1

		延べ面積	構造	階数	建設年度	外壁改修	屋上改修	トイレ改修	その他（直近5年のみ）
毛利台小	① 中央棟	3,352㎡	RC	4	S54			H30	H27冷暖房
	②- 東棟(体育館併用)	2,601㎡	RC+S	4	S55				R1家庭科室修繕
	⑧ 北棟	1,265㎡	RC	4	S57				H27冷暖房
	体育館								H31床修繕
	グラウンド								
上荻野小	⑩ 北棟	2,989㎡	RC	4	S55				H28冷暖房
	⑮ 南棟	1,612㎡	RC	4	S55				H28冷暖房、R1家庭科室修繕
	⑯- 体育館	912㎡	S	2	S57				
飯山小	①- 南棟	3,156㎡	RC	4	S59	R1			H27冷暖房、R1家庭科室修繕
	③ 北棟	1,135㎡	RC	3	S59				H27冷暖房
	②- 体育館併用棟	1,848㎡	RC+S	3	S59				H27冷暖房、H29床修繕
森の里小	② 西棟	2,099㎡	RC	4	S59			H28	
	③- 中央棟	1,911㎡	RC	4	S59			H28	
	①- 南棟	1,540㎡	RC	4	S59				
	⑦ 東棟	733㎡	RC	4	H01				
	⑥⑧ 体育館併用棟	1,833㎡	RC+S	2	S61			R2	H29床修繕
依知小	⑨ 体育館	879㎡	RC+S	2	S44				H29床修繕
	⑰ 校舎棟	4,248㎡	RC	4	S52			R2	H28冷暖房
戸田小	② 北棟	2,158㎡	RC	3	S62	R1			
	① 南棟	3,349㎡	RC	3	S62				
	③ 中央棟(ビロイ一棟)	644㎡	RC	3	S62				
	④- 体育館併用棟	1,259㎡	RC+S	2	S62				
上依知小	① 南棟	3,156㎡	RC	4	S59			R1	H28冷暖房
	② 北棟	1,135㎡	RC	3	S59			R2	
	③- 体育館	1,848㎡	RC+S	3	S59				H29屋根修繕

中学校校舎改修履歴一覧（築20年、200㎡以上） 対象期間：H27～R2（5年間）

施設名称（棟名称）		延べ面積	構造	階数	診断年度	建設年度	外壁改修	屋上改修	トイレ改修	その他（直近5年のみ）
厚木中	23-	北棟	4,384㎡	RC	4	H13	S50		R1	
	22	西棟	2,165㎡	RC	4	H12	S51			
		体育館								H29床修繕
依知中	③-	体育館併用棟	3,482㎡	RC+S	4		S61		R1	H29床修繕
	①	南棟	3,324㎡	RC	4		S61		H28	
	②	北棟	1,813㎡	RC	2		S61		H30	H29屋上防水修繕
	⑥	西棟	548㎡	RC	4		H05			
荻野中	⑮	東棟	3,320㎡	RC	4	H13	S51			
	25	西棟	1,425㎡	RC	4		S57			
	26-	中央棟	1,835㎡	RC	3		S57			
	30	南棟	661㎡	RC	3		H04			
	⑫	体育館	908㎡	RC+S	2	H16	S48			H29床修繕
睦合中	22	北棟	3,407㎡	RC	4	H09	S50			
	28	南棟	3,882㎡	RC	4		S57			
	⑮	体育館	908㎡	RC+S	2	H15	S43			H29床修繕
		グラウンド								テニスコート修繕（R2予定）
小鮎中	①	北棟	1,090㎡	RC	3	H12	S45			
	⑮	東棟	880㎡	RC	3	H11	S53			
	⑮	中央棟	1,694㎡	RC	4	H13	S53			
	25	西棟	1,829㎡	RC	4		S60			
	29	南棟	977㎡	RC	3		H03		R2	
	⑪	体育館	908㎡	RC+S	2	H16	S46			H29床修繕
玉川中	①	西棟	1,599㎡	RC	4	H07	S54		R2	
	②	北棟	1,718㎡	RC	4	H20	S54			
	⑮	東棟	1,984㎡	RC	4	H07	S54			
	⑭	東北棟	1,978㎡	RC	4		S60			
	③	体育館	930㎡	RC+S	2	H15	S53			H29床修繕
南毛利中	25	南棟	1,869㎡	RC	4	H08	S56	H28	H28	
	26	中央棟	3,152㎡	RC	4	H12	S56			
	⑪	体育館	908㎡	RC+S	2	H10	S42			
東名中	①	南棟	2,749㎡	RC	3	H11	S44	H29		
	⑬	北棟	2,452㎡	RC	4	H13	S54			
	③	体育館	908㎡	RC+S	2	H09	S47			H29床修繕
林中	①-	南棟	4,580㎡	RC	4	H19	S51			
	②	西棟	1,381㎡	RC	4	H20	S51			
	③	体育館	914㎡	RC+S	2	H15	S54			H29床修繕
	⑮	武道場	355㎡	S	1		H04			
		グラウンド						令和元年測量・設計		令和2年改修
藤塚中	①	南棟	3,712㎡	RC	4		S59		R2	
	②-	体育館併用棟	4,930㎡	RC+S	4		S59	H29	H27	R1床修繕
	⑥	西棟	389㎡	RC	4		H02			
		グラウンド						令和2年測量・設計		
森の里中	③	西棟	251㎡	RC	3		S61			
	①-	南棟	2,832㎡	RC	4		S61		H30	
	②-	北棟	3,098㎡	RC	4		S61		R1	
	④-	体育館	1,382㎡	RC+S	2		S61			
睦合東中	③	東棟	2,168㎡	RC	4		S63	H28	H28	
	②	西棟	2,947㎡	RC	4		S63	H30	H30	H29
	①	北棟	1,956㎡	RC	4		S63	R2	R2	R1
	④-	体育館併用棟	3,591㎡	RC+S	4		S63			
相川中	①	南棟	2,468㎡	RC	3	H20	S49			
	②	北棟	3,204㎡	RC	4	H20	S53		R2	
	③	体育館	884㎡	RC+S	2	H11	S55			R1床修繕